

Số: 1018 /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp
và Môi trường thành phố Hà Nội**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm
soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi,
bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;
Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường số:1215/QĐ-
BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố
chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; 2261/QĐ-BNNMT
ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành
chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ
Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội số:
4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong
giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành
phố Hà Nội; số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc thực hiện phương án ủy
quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày
22/11/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; Số 2005/QĐ-UBND ngày
12/04/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám
đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm
nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của Chủ tịch UBND
thành phố Hà Nội về việc ủy quyền công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục
hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của Ủy ban nhân dân
thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND
thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ
chức của Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội;*

*Thực hiện theo Công điện 22/CD-TTg ngày 09/3/2025 của Thủ tướng Chính
phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về cắt giảm thủ tục hành chính, cải*

thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; Nghị Quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 (Giảm 30% thời gian giải quyết TTHC);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội tại Công văn số 3888 /SNNMT-VP ngày 30/06/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này là Danh mục 31 thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội. Trong đó, 24 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh; 07 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

05 thủ tục hành chính cấp tỉnh (trong đó: 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp, 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Kiểm lâm) và 01 thủ tục hành chính cấp xã lĩnh vực Lâm nghiệp thực hiện đơn giản hóa giảm 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo Công điện 22/CĐ-TTg ngày 09/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị Quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 960/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Hà Nội.

Thủ tục hành chính quy định tại số thứ tự số 22 phụ lục này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này gửi Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố phê duyệt theo quy định.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố, các Sở, cơ quan tương đương Sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó chủ tịch UBND Thành phố;
- Công Giao tiếp điện tử Thành phố;
- Trung tâm PVHCC: GD, PGD, các phòng: HCQT, TCT, KSTTHC;
- Lưu: VT, KSTTHC.

(để báo cáo)



Cù Ngọc Trang

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP KIỂM LÂM
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số 1018 /QĐ-TTPVHCC ngày 30/6//2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH (24 TTHC)

TT		Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo Quy định tại Quyết định công bố TTTHC của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện Đơn giản hóa tại Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội	Thực hiện theo Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ (Giảm 30% thời gian giải quyết TTHC)				
I		DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (03 TTHC)							
1		Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC)							
01	01	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương (1.012921)	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến;	Không	-Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính Phủ quy định về thanh lý rừng trồng (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính Phủ);

02	01	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (1.012692)	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (<i>Sau đây gọi tắt là Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ</i>); - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (<i>Sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ</i>); - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà
----	----	--	--	--	--	--	--	-------	--

			rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.						Nội.
--	--	--	---	--	--	--	--	--	------

03	02	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (3.000152)	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
----	----	--	--	--	--	---	--	-------	--

		rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.						
II		DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (13 TTHC)						
1		Lĩnh vực Lâm nghiệp (09 TTHC)						

04	01	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp (3.000179)	04 ngày làm việc			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Điều 25 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 1, điểm a, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
05	02	Cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng (3.000180)	03 ngày làm việc			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Điều 25 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 2, điểm b, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Quyết định số 2261/QĐ-

									BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
06	03	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (1.012687)	55 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	54 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội. - Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và môi trường thành phố Hà Nội (<i>Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1928/QĐ-UBND</i> ngày

									08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội);
07	04	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (1.007916)	(i) Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. (ii) Trường hợp UBND cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: + Trường hợp chủ dự án không			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Thông tư số 16/2025/ TT-BNN&MT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường 2261 (sau đây gọi tắt là - Quyết định số 2261/QĐ-BNN&MT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.) - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

			đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 57 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề						
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

			nghị nộ tiên: 37 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộ theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộ tiên thấp hơn số tiền phải nộ theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế; 42 ngày kể từ ngày nhận được						
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

			hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.						
08	05	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	44 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp;	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1215/QĐ-

		phương quản lý (1.000084)					- Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.		BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội; - Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; - Công điện 22/CD-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.
09	06	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý (1.000081)	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	44 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà

									Nội. - Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; - Công điện 22/CD-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.
10	07	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (1.000071)	40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội. - Công điện 22/CD-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

11	08	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) (1.000058)	15 ngày làm việc.		10 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội. - Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.
12	09	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (1.000055)	28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	27 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Thông tư số 16/2025/ TT-BNN&MT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2261/QĐ-BNN&MT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội

2		Lĩnh vực Kiểm lâm (04 TTHC)							
13	01	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng (1.012691)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
14	02	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức (1.012689)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà

									Nội.
15	03	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý (1.012690)	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
16	04	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (1.012413)	a) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân		a) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Ủy	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến;	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày

		cấp tỉnh: 12 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ. b) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 20 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và	ban nhân dân cấp tỉnh: 08 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ. b) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 14 ngày làm việc,	- Qua dịch vụ bưu chính.	16/11/2018 của Chính phủ; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội. - Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ;
--	--	---	---	---------------------------------	---

			Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ.		kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ.				
III		DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI (02 TTHC)							
*		Lĩnh vực lâm nghiệp (02 TTHC)							
17	01	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (1.011470)	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (<i>Sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT</i>); - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi

19	01	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (3.000198)	Trong thời hạn 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/ lô giống; - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/ vườn giống.	- Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính; - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp;
----	----	--	--	--	--	---	--	---	--

									- Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
2		Lĩnh vực Kiểm lâm (02 TTHC)							
20	01	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ (3.000160)	Trưởng hợp không phải xác minh: 06 ngày làm việc. Trưởng hợp phải xác minh: 14 ngày làm việc.		Trưởng hợp không phải xác minh: 04 ngày làm việc. Trưởng hợp phải xác minh: 09 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (<i>Sau đây gọi tắt là Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ</i>); - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ

									sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (<i>Sau đây gọi tắt là Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ</i>); -Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; -Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

									trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội; - Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.
21	02	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES (1.004815)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi trồng cơ quan cấp mã số chủ trì phối hợp với cơ quan liên			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; - Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật,

			quan tổ chức thực hiện tối đa là 30 ngày.						thực vật hoang dã nguy cấp; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội; - Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.
V		DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA HẠT KIỂM LÂM (03 TTHC)							
*		Lĩnh vực Kiểm lâm (03 TTHC)							
22	01	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu (3.000159)	- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp có			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến;	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày

			thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc				- Qua dịch vụ bưu chính.		30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT- BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 1215/QĐ- BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ- UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
23	02	Xác nhận bảng kê lâm sản (1.000045)	- Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	-Nghị định số 06/2019/NĐ- CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; -Nghị định số 84/2021/NĐ- CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng,

			nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.						động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; -Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
24	03	Phê duyệt phương án khai thác động	10 ngày kể từ ngày			Trung tâm Phục vụ hành chính	Hồ sơ gửi bằng một	Không	- Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày

		vật rừng thông thường từ tự nhiên (1.000047)	nhận được hồ sơ hợp lệ			công thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 1	trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.		30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
--	--	--	------------------------	--	--	--	---	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (07 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Theo Quy định tại Quyết định công bố TTHC của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện Đơn giản hóa tại Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội	Thực hiện theo Công điện 22/CĐ-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ (Giảm 30% thời gian giải quyết TTHC)				
1	Lĩnh vực Lâm nghiệp (05 TTHC)							

25	01	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng (1.012922)	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 140/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/10/2024. - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
26	02	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (1.012531)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ. - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Công điện 22/CD-TT ngày 9/3/2025; Nghị Quyết 66/NQ-CP của Chính Phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

27	03	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái (3.000250)	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ			(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Thông tư số 16/2025TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
28	04	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công. (1.007919)	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị Định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2025TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
29	05	Phê duyệt phương án	10 ngày			(1). Điểm phục vụ	Hồ sơ gửi bằng một	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-

		khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (1.011471)	kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ			hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.		BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2		Lĩnh vực Kiểm lâm (02 TTHC)							
30	06	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng (1.012695)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
31	07	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân (1.012694)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			(1). Điểm phục vụ hành chính công cấp xã; (2). Các Chi nhánh Trung	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp;	Không	- Nghị Định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

						tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	- Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.		- Thông tư số 16/2025TT- BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2261/QĐ- BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--